

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC

Tuyển sinh đại học chính quy năm 2022

I. CHỈ TIÊU VÀ NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO (chỉ tiêu có thể thay đổi theo tình hình chất lượng thí sinh hàng năm)

TT	Tên ngành / chuyên ngành; trình độ đào tạo	Mã	Khối thi	Chỉ tiêu
I.	Các ngành / chuyên ngành đào tạo đại học:			
1.	Ngành: Biên kịch điện ảnh - truyền hình	7210233		
	- Chuyên ngành: Biên kịch điện ảnh	7210233A	S	15
	- Chuyên ngành: Biên tập truyền hình	7210233B	S	20
2.	Ngành: Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	7210235		
	- Chuyên ngành: Đạo diễn điện ảnh	7210235A	S	15
	- Chuyên ngành: Đạo diễn truyền hình	7210235B	S	15
3.	Ngành: Quay phim	7210236		
	- Chuyên ngành: Quay phim điện ảnh	7210236A	S	20
	- Chuyên ngành: Quay phim truyền hình	7210236B	S	15
4.	Ngành: Nhiếp ảnh	7210301		
	- Chuyên ngành: Nhiếp ảnh nghệ thuật	7210301A	S	20
	- Chuyên ngành: Nhiếp ảnh báo chí	7210301B	S	20
	- Chuyên ngành: Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	7210301C	S	20
5.	Ngành: Công nghệ điện ảnh, truyền hình	7210302		
	- Chuyên ngành: Công nghệ dựng phim	7210302A	S1	25
	- Chuyên ngành: Âm thanh điện ảnh – truyền hình	7210302B	S1	15
6.	Ngành: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	7210406		
	- Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, hoạt hình	7210406C	S	30
	- Chuyên ngành: Thiết kế trang phục nghệ thuật	7210406D	S	10
	- Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa kỹ xảo	7210406E	S	20
	- Chuyên ngành: Nghệ thuật hóa trang	7210406F	S	25
7.	Ngành: Đạo diễn sân khấu	7210227	S	
	- Chuyên ngành: Đạo diễn âm thanh - ánh sáng sân khấu	7210227A	S	15
	- Chuyên ngành: Đạo diễn sự kiện lễ hội	7210227B	S	15
8.	Ngành: Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	7210234	S	35
9.	Ngành: Diễn viên sân khấu kịch hát	7210226		
	- Chuyên ngành: Diễn viên cải lương	7210226A	S	10
	- Chuyên ngành: Diễn viên chèo	7210226B	S	15
	- Chuyên ngành: Diễn viên rối	7210226C	S	10
	- Chuyên ngành: Nhạc công KHDT	7210226E	S	10
10.	Ngành: Biên đạo múa	7210243	S	10
	- Chuyên ngành: Biên đạo Múa đại chúng	7210243A	S	30
11.	Ngành: Huấn luyện Múa	7210244	S	10
II.	Các ngành / chuyên ngành đào tạo liên thông:			
12.	Ngành: Diễn viên sân khấu kịch hát	7210226		
	- Chuyên ngành: Diễn viên chèo (liên thông)	7210226B1	S	15

II. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1. Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Đối với thí sinh dự thi trình độ đại học:

- a) Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành;
 - Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Nhà trường;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ thi tuyển theo quy định.

2. Đối với thí sinh dự thi liên thông từ TC lên ĐH: Thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp đúng ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp khác do Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định.

2.2. Thí sinh dự thi một số ngành đặc thù

*** Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; Diễn viên chèo; Diễn viên cải lương; Diễn viên Rối.**

- Có độ tuổi từ 17 đến 22. Chiều cao tối thiểu đối với nam: 1m65; nữ: 1m55.
- Người cân đối, không có khuyết tật hình thể. Có tiếng nói tốt, không nói ngọng, nói lắp (Riêng đối với Diễn viên chèo, Diễn viên cải lương, Diễn viên rối cần có giọng hát tốt).
- *Thí sinh nữ khi dự thi không mặc áo dài, không mặc váy và không được trang điểm.*

*** Biên đạo múa, Huấn luyện múa:** Đã tốt nghiệp Trung cấp Múa, Cao đẳng Múa. **Biên đạo múa đại chúng:** Đã tốt nghiệp THPT, có năng khiếu nghệ thuật múa, có hình thể đẹp.

*** Quay phim điện ảnh; Quay phim truyền hình; Nhiếp ảnh nghệ thuật; Nhiếp ảnh báo chí, Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện:** Thí sinh phải biết sử dụng và có máy ảnh kỹ thuật số, thẻ nhớ để thực hiện bài thi. *(Có văn bản hướng dẫn thi thực hành chụp ảnh dã ngoại kèm theo thông báo này)*

*** Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, hoạt hình; Thiết kế trang phục nghệ thuật; Thiết kế đồ họa kỹ xảo:** Khi ĐKDT thí sinh phải nộp bài hình họa (bài vẽ tượng – bằng chì trên giấy 40cm x 60cm) để tham gia xét vòng sơ tuyển.

*** Nghệ thuật hóa trang:** Khi ĐKDT thí sinh nộp 2 ảnh chân dung màu để xét tuyển: 1- Ảnh mộc (ảnh của người mẫu khi chưa được trang điểm); 2 - Ảnh người mẫu sau khi đã được trang điểm đẹp; Kích thước 18cm x 24cm.

III. QUY TRÌNH THI NĂNG KHIẾU

Gồm 2 vòng: + Sơ tuyển
+ Chung tuyển

- Địa điểm thi: Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

- Thí sinh được vào vòng chung tuyển phải xét tuyển thêm điểm học bạ lớp 12 môn Ngữ văn hoặc môn Toán học theo yêu cầu của từng ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi. *Điểm các môn này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GD&ĐT chấp thuận (điểm trung bình từ 5.0 trở lên)*

- Điểm trúng tuyển gồm 2 loại điểm:

+ Điểm thi các môn Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2)

+ Tổng điểm: gồm điểm Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2) cộng điểm Ngữ văn đối với khối S hoặc Toán học đối với Khối S1, cộng thêm điểm ưu tiên (nếu có) và làm tròn đến 2 số thập phân

T T	Chuyên ngành	Vòng Sơ tuyển	Vòng Chung tuyển / Hệ số điểm (HS)		
			Môn 1	Môn 2	Môn3 xét tuyển
1.	Biên kịch điện ảnh	Thi viết kiến thức chung về văn hoá xã hội và văn học nghệ thuật	Viết sáng tác tiểu phẩm điện ảnh (HS2)	Vấn đáp: Khả năng sáng tác kịch bản, hiểu biết về điện ảnh (HS1)	Ngữ văn
2.	Biên tập truyền hình		Xem phim, viết bài phân tích phim (HS2)	Vấn đáp: Những hiểu biết liên quan đến lĩnh vực truyền hình và biên tập truyền hình (HS1)	Ngữ văn
3.	Đạo diễn điện ảnh		Xem phim, viết bài phân tích phim (HS2)	Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn theo chủ đề tự chọn và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi (HS1)	Ngữ văn
4.	Đạo diễn truyền hình		Xem phim, viết bài phân tích phim (HS2)	Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn theo chủ đề tự chọn và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi (HS1)	Ngữ văn

5.	Quay phim điện ảnh			Thực hành chụp ảnh. Sau đó thi vấn đáp phân tích các ảnh đã chụp và các ảnh theo đề thi (HS1). (TS tự chuẩn bị máy ảnh kỹ thuật số, thẻ nhớ và đồng lệ phí vật liệu ảnh)	Ngữ văn
6.	Quay phim truyền hình		Xem phim, viết bài phân tích phim (HS1)		
7.	Âm thanh điện ảnh – truyền hình		Xem phim và viết bài phân tích phim (HS1)	Thi vấn đáp kiến thức cơ bản về âm thanh (HS1)	Toán học
8.	Công nghệ dựng phim		Xem phim và viết bài phân tích phim (HS1)	Vấn đáp: Dựng ảnh liên hoàn theo chủ đề tự chọn và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài thi (HS1)	Toán học
9.	Nhiếp ảnh nghệ thuật				
10.	Nhiếp ảnh báo chí	Thi viết kiến thức chung về văn hoá xã hội và văn học nghệ thuật	Viết bài phân tích tác phẩm nhiếp ảnh (HS1)	Thực hành chụp ảnh. Vấn đáp và phân tích các bức ảnh thí sinh đã chụp. (HS1) (TS tự chuẩn bị máy ảnh kỹ thuật số, thẻ nhớ và đồng lệ phí vật liệu ảnh)	Ngữ văn
11.	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện				
12.	Đạo diễn âm thanh - ánh sáng sân khấu		Viết ý tưởng thiết kế âm thanh, ánh sáng cho một tình huống kịch (HS1)	Vấn đáp về tư duy đạo diễn âm thanh, ánh sáng cho một chương trình biểu diễn nghệ thuật sân khấu (HS1)	Ngữ văn
13.	Đạo diễn sự kiện lễ hội		Viết đề cương một kịch bản lễ hội (HS1)	Vấn đáp về nghệ thuật dàn cảnh và tổ chức phối hợp các yếu tố trong lễ hội (HS1)	Ngữ văn
14.	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình		Kiểm tra hình thể và tiếng nói: Thí sinh tự chuẩn bị và trình bày một bài hát, một bài thơ hoặc một đoạn văn xuôi. Tự chuẩn bị và biểu diễn một tình huống kịch không có nhân vật thứ 2, thời gian không quá 10 phút.	- Biểu diễn một tiểu phẩm sân khấu theo đề thi, không có người thứ hai. Thời gian không quá 10 phút. - Thể hiện các tình huống theo yêu cầu của Ban Giám khảo và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi.	Ngữ văn
15.	Biên đạo múa đại chúng	- Kiểm tra hình thể. - Thực hiện một tổ hợp múa (16 nhịp) theo hướng dẫn của BGK về một trong 3 thể loại: DGDĐT, hiện đại hoặc khiêu vũ quốc tế. -Kiểm tra cảm xúc âm nhạc.	Thực hiện ba đoạn múa (mỗi đoạn 16 nhịp) theo hướng dẫn của BGK về cả ba thể loại: Dân gian dân tộc, hiện đại và khiêu vũ quốc tế. (HS1)	Nghe nhạc và trình bày cảm xúc âm nhạc theo đề thi. Biên một tiểu phẩm Múa theo âm nhạc của đề thi đó. (HS2)	Ngữ văn
16.	Biên đạo múa	- Kiểm tra năng lực cơ bản múa. - Thực hiện từ 1 đến 3 tổ hợp động tác múa cổ điển châu Âu và từ 1 đến 3 tổ hợp múa dân gian Việt Nam theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn (thị phạm).	Biên và trình bày một tiểu phẩm múa theo đề thi (từ 1 đến 2 phút). Tiểu phẩm không sử dụng quá 2 diễn viên và TS phải trực tiếp tham gia trình bày (HS2)	Biên bài tập huấn luyện múa cổ điển Châu Âu hoặc múa dân gian dân tộc VN theo đề thi. Thí sinh trực tiếp trình bày (HS1)	Ngữ văn
17.	Huấn luyện múa	- Nghe nhạc và trình bày cảm xúc của mình.	Biên và trình bày một tiểu phẩm múa theo đề thi (từ 1 đến 2 phút). Tiểu phẩm không sử dụng quá 2 diễn viên và TS phải trực tiếp tham gia thể hiện (HS1)	Biên bài tập huấn luyện múa cổ điển Châu Âu hoặc múa dân gian dân tộc VN theo đề thi. Thí sinh trực tiếp trình bày (HS2)	Ngữ văn

18.	Thiết kế mỹ thuật SK, ĐA, HH		Vẽ trang trí cơ bản: Dùng họa tiết hoa văn (lá, hoa, động vật...) để trang trí vào một trong các hình cơ bản: Hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, theo yêu cầu của đề thi, trên giấy 40cmx60cm. Chất liệu vẽ: Màu tự do (HS2)		
19.	Thiết kế đồ họa kỹ xảo	Thí sinh nộp bài hình họa cùng với hồ sơ để xét tuyển (bài vẽ tượng – bằng chì trên giấy 40cm x 60cm)		Vẽ hình họa: Vẽ mẫu chân dung thạch cao, chất liệu chì, trên giấy 40cmx60cm (HS1)	Ngữ văn
20.	Thiết kế trang phục nghệ thuật				
21.	Nghệ thuật hóa trang	Thí sinh nộp 02 ảnh chân dung màu kích thước 18cm x 24cm để xét tuyển (01 ảnh mộc - ảnh của người mẫu khi chưa trang điểm và 01 ảnh sau khi đã được trang điểm đẹp)	Vẽ tạo hình hóa trang: Vẽ trên giấy có in sẵn hình mặt người, chất liệu vẽ màu tự do (HS2)	Vấn đáp về tư duy nghệ thuật hóa trang (HS1)	Ngữ văn
22.	Diễn viên chèo	- Kiểm tra hình thể, giọng nói, tiếng hát: Thí sinh tự chuẩn bị và biểu diễn 2 bài hát (chèo, cải lương hoặc hát mới), có thể đọc, ngâm một bài thơ hoặc đọc một đoạn văn xuôi. - Tự chuẩn bị và biểu diễn một tiểu phẩm SK không có NV thứ 2, thời gian không quá 10 phút.	Hát theo nhạc chuyên ngành và theo cử giọng quy định, kiểm tra thẩm âm, tiết tấu; Múa các động tác theo yêu cầu của Ban Giám khảo; Biểu diễn một tiểu phẩm sân khấu theo đề thi, không có người thứ 2 (Thời gian không quá 10 phút); Thể hiện các tình huống theo yêu cầu của Ban Giám khảo và trả lời các câu hỏi liên quan đến đề thi.		Ngữ văn
23.	Diễn viên cải lương				Ngữ văn
24.	Diễn viên rối				Ngữ văn
25.	Diễn viên chèo (liên thông từ TC lên ĐH)	Không phải thi sơ tuyển	Phân tích nhân vật trong kịch bản sân khấu (HS1)	Thể hiện một vai diễn trong một trích đoạn sân khấu do thí sinh tự chuẩn bị và trả lời các câu hỏi của BGK (HS1) Thí sinh tự chuẩn bị phần nhạc đệm	Ngữ văn
26.	Nhạc công kịch hát dân tộc	- Kiểm tra thẩm âm tiết tấu theo yêu cầu của ban giám khảo. - Diễn tấu một bản nhạc theo yêu cầu của đề thi	- Xướng âm một bản nhạc theo đề thi có sẵn. - Diễn tấu hai bản nhạc theo yêu cầu của đề thi		Ngữ văn

IV. HỒ SƠ

1. Hồ sơ:

a. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Túi hồ sơ đăng ký dự thi (gồm 2 phiếu: số 1 và số 2) theo mẫu của Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội phát hành.
- 04 ảnh 4x6 cm và 02 phong bì đã ghi sẵn địa chỉ báo tin.
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

b. Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

V. THỜI GIAN THI TUYỂN: Dự kiến 15/7/2022